

BỘ TÀI CHÍNH
Số: 15/2004/TT-BTC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 9 tháng 3 năm 2004

THÔNG TƯ

*Hướng dẫn thực hiện Nghị định số 170/2003/NĐ-CP
ngày 25 tháng 12 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết
thi hành một số điều của Pháp lệnh Giá*

Căn cứ Pháp lệnh Giá số 40/2002/PL-UBTVQH10 ngày 26 tháng 4 năm 2002;

Căn cứ Nghị định số 170/2003/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Giá,

Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 170/2003/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Giá như sau:

A. PHẠM VI ÁP DỤNG

Thông tư này hướng dẫn hàng hoá, dịch vụ thực hiện bình ổn giá; quyền hạn, trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trong việc lập, trình, thẩm định phương án giá và quyết định giá; hồ sơ phương án giá và nội dung phương án giá; hồ sơ và thủ tục hiệp thương giá; tài sản của Nhà nước phải thẩm định giá và hoạt động thẩm định giá.

B. NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

I. HÀNG HOÁ, DỊCH VỤ THỰC HIỆN BÌNH ỔN GIÁ

1. Giá hàng hoá, dịch vụ thuộc danh mục thực hiện bình ổn được xác định là biến động bất thường theo quy định tại các Điều 2, 3, 4, 5, và 6 Nghị định số 170/2003/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Giá với các điều kiện cụ thể:

1.1. Xăng, dầu: Trong thời gian tối thiểu 30 ngày liên tục, giá vốn bình quân của xăng (A90, A92), diezen, mazut, dầu hỏa cao hơn từ 5 % trở lên so với giá bán ra do doanh nghiệp tự quyết định tối đa theo cơ chế quản lý xăng, dầu của Thủ tướng Chính phủ.

1.2. Khí hoá lỏng: Trong thời gian tối thiểu 60 ngày liên tục, giá bán lẻ tăng từ 30% trở lên so với giá thị trường trước khi có biến động.

1.3 Xi măng, thép xây dựng: Trong thời gian tối thiểu 30 ngày liên tục, giá bán lẻ tăng từ 15% trở lên so với giá thị trường trước khi có biến động.

1.4. Phân urê: Trong thời gian tối thiểu 30 ngày liên tục, giá bán lẻ 1 kg urê vượt giá bán lẻ 2 kg thóc tại cùng thời điểm, cùng khu vực trước khi có biến động.

1.5. Thóc (lúa): Trong thời gian tối thiểu 30 ngày liên tục giá mua giảm ít nhất 15% so với giá thị trường trước khi có biến động.

1.6. Gạo tẻ thường: Trong thời gian tối thiểu 30 ngày liên tục, giá bán lẻ tăng từ 25% trở lên so với giá thị trường trước khi có biến động.

1.7. Cà phê nhân, bông hạt, mía cây nguyên liệu, muối: Trong thời gian tối thiểu 30 ngày liên tục, giá mua giảm ít nhất 20% so với giá thị trường trước khi có biến động.

1.8. Bông xơ: Trong thời gian tối thiểu 30 ngày liên tục, giá mua tăng từ 30% trở lên so với giá thị trường trước khi có biến động.

1.9. Một số loại thuốc phòng và chữa bệnh cho người thực hiện theo Nghị định của Chính phủ “Về quản lý giá thuốc phòng, chữa bệnh cho người” và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

1.10. Dịch vụ: Giá cước dịch vụ vận chuyển hành khách bằng đường sắt trong thời gian tối thiểu 30 ngày liên tục, tăng từ 20% trở lên so với giá quy định trước đó.

2. Khi giá hàng hoá, dịch vụ biến động bất thường theo quy định tại Khoản 1 Mục I Thông tư này thì Bộ Tài chính, Cục Quản lý giá, Sở Tài chính trình cấp có thẩm quyền quyết định và công bố áp dụng các biện pháp bình ổn giá theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 170/2003/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Giá.

II. QUYỀN HẠN, TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ TRONG VIỆC LẬP, TRÌNH, THẨM ĐỊNH PHƯƠNG ÁN GIÁ VÀ QUYẾT ĐỊNH GIÁ

1. Tài sản, hàng hoá, dịch vụ thuộc thẩm quyền quyết định giá của Chính phủ:

1.1. Khung giá các loại đất do Bộ Tài chính lập phương án giá và trình Chính phủ quyết định, sau khi có ý kiến của Bộ Tài nguyên và Môi trường, các Bộ có liên quan và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).

1.2. Khung giá cho thuê đất có mặt nước và khung giá để thu tiền sử dụng đất có mặt nước do Bộ Tài chính lập phương án giá và trình Chính phủ quyết định, sau khi có ý kiến của Bộ Tài nguyên và Môi trường, các Bộ có liên quan và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

1.3. Khung giá hoặc giá chuẩn nhà ở thuộc sở hữu nhà nước để bán, cho thuê do Bộ Xây dựng lập phương án giá và trình Chính phủ quyết định, sau khi có ý kiến của các Bộ có liên quan, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và ý kiến thẩm định bằng văn bản của Bộ Tài chính.

2. Tài sản, hàng hoá, dịch vụ thuộc thẩm quyền quyết định giá của Thủ tướng Chính phủ:

2.1. Giá bán hoặc giá cho thuê tài sản của Nhà nước là công trình kết cấu hạ tầng phục vụ lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng không qua hình thức đấu thầu, đấu giá do các đơn vị có tài sản lập phương án giá để Bộ quản lý tài sản xem xét và trình Thủ tướng Chính phủ quyết định, sau khi có ý kiến của các Bộ có liên quan và ý kiến thẩm định bằng văn bản của Bộ Tài chính.

2.2. Giá nhà ở thuộc sở hữu nhà nước cho thuê hoặc bán cho các đối tượng tái định cư, đối tượng chính sách do Bộ Xây dựng lập phương án giá và trình Thủ tướng Chính phủ quyết định, sau khi có ý kiến của các Bộ có liên quan, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và ý kiến thẩm định bằng văn bản của Bộ Tài chính.

2.3. Giá chuẩn bán điện cho các đối tượng sinh hoạt, sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và cho nông thôn theo các cấp điện áp do Tổng công ty Điện lực Việt Nam lập phương án giá để Bộ Công nghiệp xem xét và trình Thủ tướng Chính phủ quyết định, sau khi có ý kiến của các Bộ có liên quan và ý kiến thẩm định bằng văn bản của Bộ Tài chính.

2.4. Giá cước hoặc khung giá cước dịch vụ vận chuyển thư thường trong nước có khối lượng đến 20 gram; giá cước hoặc khung giá cước thuê bao điện thoại và liên lạc điện thoại nội hạt tại nhà thuê bao do các đơn vị cung ứng dịch vụ lập phương án giá để Bộ Bưu chính, Viễn thông xem xét và trình Thủ tướng Chính phủ quyết định, sau khi có ý kiến thẩm định bằng văn bản của Bộ Tài chính.

2.5. Giá bán báo Nhân dân do Bộ Biên tập báo Nhân dân lập phương án giá, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định, sau khi có ý kiến của các Bộ, cơ quan có liên quan và ý kiến thẩm định bằng văn bản của Bộ Tài chính.

3. Tài sản, hàng hoá, dịch vụ thuộc thẩm quyền quyết định giá của Bộ trưởng Bộ Tài chính:

3.1. Giá bán hoặc giá cho thuê tài sản của Nhà nước là công trình kết cấu hạ tầng phục vụ lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng không qua hình thức đấu thầu, đấu giá theo uỷ quyền của Thủ tướng Chính phủ do các đơn vị có tài sản lập, trình phương án giá để Bộ quản lý tài sản xem xét và đề nghị Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định, sau khi có ý kiến của các Bộ có liên quan.

3.2. Giá mua vào, bán ra hàng dự trữ quốc gia do Cục Dự trữ Quốc gia lập phương án giá, Cục Quản lý Giá thẩm định và trình Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định.

Đối với hàng dự trữ quốc gia do các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực quản lý thì đơn vị được chỉ định quản lý hàng dự trữ quốc gia lập, trình phương án giá, Cục Quản lý Giá thẩm định và trình Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định, sau khi có ý kiến của Bộ quản lý ngành và Cục Dự trữ Quốc gia.

3.3. Hàng hoá, dịch vụ sản xuất theo đặt hàng của Nhà nước không qua hình thức đấu thầu, đấu giá thực hiện theo Thông tư số 05/2004/TT-BTC ngày 30 tháng 01 năm 2004 của Bộ Tài chính “Hướng dẫn quản lý giá hàng hoá, dịch vụ do Nhà nước đặt hàng thanh toán bằng nguồn ngân sách nhà nước”.

3.4. Giá cước vận chuyển hành khách bằng máy bay tuyến Hà Nội-Thành phố Hồ Chí Minh do Cục Hàng không Việt Nam lập, trình phương án giá để Bộ Giao thông Vận tải xem xét và đề nghị Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định, sau khi có ý kiến của các Bộ có liên quan.

3.5. Giá xăng, dầu do Tổng công ty Xăng dầu Việt Nam lập, trình phương án giá để Bộ Thương mại xem xét và đề nghị Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định giá định hướng, sau khi có ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu quyết định giá bán trên cơ sở giá định hướng và theo đúng quy định của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế quản lý, kinh doanh xăng dầu.

3.6. Khung giá bán nước sạch cho sinh hoạt do Cục Quản lý Giá lập phương án giá, trình Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định, sau khi có ý kiến của Bộ Xây dựng và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

3.7. Căn cứ vào khung giá đất của Chính phủ, Bộ Tài chính hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định giá đất cụ thể tại địa phương.

3.8. Căn cứ vào khung giá cho thuê đất có mặt nước và khung giá để thu tiền sử dụng đất có mặt nước của Chính phủ, Bộ Tài chính hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định.

3.9. Khung giá bán lẻ một số loại thuốc thiết yếu phòng và chữa bệnh cho người do Bộ Y tế hướng dẫn Tổng công ty dược và một số đơn vị sản xuất, kinh doanh thuốc (chiếm thị phần lớn) lập, trình phương án giá để Bộ Y tế xem xét và đề nghị Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định, sau khi có ý kiến của các Bộ có liên quan.

Cục Quản lý Giá có trách nhiệm thẩm định phương án giá hàng hóa, dịch vụ theo quy định tại Điều 3.4, 3.5 và 3.9 Khoản 3 Mục II phần B Thông tư này để trình Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định.

4. Tài sản, hàng hoá, dịch vụ thuộc thẩm quyền quyết định giá của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp:

Căn cứ vào giá chuẩn bán điện của Thủ tướng Chính phủ, Tổng công ty Điện lực Việt Nam trình Bộ trưởng Bộ Công nghiệp quyết định giá bán điện cụ thể cho từng đối tượng tiêu dùng trong mạng lưới điện quốc gia, sau khi có ý kiến bằng văn bản của Bộ Tài chính.

5. Tài sản, hàng hoá, dịch vụ thuộc thẩm quyền quyết định giá của Bộ trưởng Bộ Bưu chính, Viễn thông:

5.1. Căn cứ giá cước, khung giá cước dịch vụ vận chuyển thư thường trong nước có khối lượng đến 20 gram; giá cước hoặc khung giá cước thuê bao điện thoại và liên lạc điện thoại nội hạt tại nhà thuê bao do Thủ tướng Chính phủ quyết định, các đơn vị cung ứng dịch vụ liên quan trình Bộ trưởng Bộ Bưu chính, Viễn thông quyết định giá cước cụ thể, sau khi có ý kiến bằng văn bản của Bộ Tài chính.

5.2. Giá cước các dịch vụ bưu chính công ích, dịch vụ bưu chính dành riêng; giá cước dịch vụ viễn thông công ích do đơn vị cung ứng dịch vụ trình, Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải quyết định, sau khi có ý kiến